

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH T
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/DS-ST
Ngày: 30-6-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH T, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Lý

Bà Nguyễn Thị Hương Giang

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Mỹ Anh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng L, chức vụ: Tổng giám đốc.

Địa chỉ: X Nguyễn Chí T, phường Láng T, quận Đống Đ, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên lạc: Tầng Y, Tòa nhà T, số Z Nguyễn Công T, phường Nguyễn Thái B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1. Ông Lương Văn H, sinh năm 1986, chức vụ: Chuyên viên cao cấp Phòng XLN.KHCN (có mặt);

2. Ông Phạm Thanh T, sinh năm 1994, chức vụ: Chuyên viên Phòng XLN.KHCN (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: đường Nguyễn An N, phường Tân A, quận Ninh K, thành phố Cần Thơ.

3. Ông Trần Trọng T, sinh năm 1991, chức vụ: Giám đốc tổ tụng (vắng mặt);

Địa chỉ: Tầng Y, Tòa nhà T, số Z Nguyễn Công T, phường Nguyễn Thái B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy ủy quyền số 6884/2022/UQ-TGD12 ngày 16/9/2022.

- Bị đơn: Bà Võ Thị Mỹ N, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/9/2022 của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần H (gọi tắt Ngân hàng) và tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lương Văn H trình bày:

Giữa Ngân hàng và bà Võ Thị Mỹ N có ký các Hợp đồng tín dụng, cụ thể:

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2689667/02/2021/HĐHMTD, ngày 28/7/2021, ngân hàng cấp tín dụng cho bà N vay số tiền 200.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 12%/năm, phương thức trả nợ vay thấu chi.

Giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 10/7/2021 (bao gồm Giấy đề nghị cấp tín dụng và bản Điều khoản và Điều kiện về việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng— các tài liệu này gọi chung là hợp đồng). Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà N hạn mức 200.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn 36 tháng, lãi suất áp dụng thả nổi (lãi suất không cố định và có điều chỉnh, được niêm yết công khai tại các điểm giao dịch và trên website của Ngân hàng).

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Võ Thị Mỹ N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán gốc lãi theo đúng cam kết, thỏa thuận trong hợp đồng đã ký.

Tại đơn khởi kiện Ngân hàng TMCP H yêu cầu bà Võ Thị Mỹ N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 10/9/2022 là 499.355.852 đồng, gồm nợ gốc 389.970.000 đồng, nợ lãi 102.661.181 đồng, lãi quá hạn 6.724.671 đồng. Kể từ ngày 11/9/2022 bà N phải có nghĩa vụ trả lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

Tại phiên tòa Ngân hàng yêu cầu bà N thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/6/2023 số tiền cụ thể:

Đối với Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2689667/02/2021/HĐHMTD, ngày 28/7/2021, số tiền gốc 199.970.000 đồng, lãi trong hạn 22.028.600 đồng, lãi quá hạn 33.331.986 đồng, tổng gốc và lãi 255.330.586 đồng.

Đối với hợp đồng thẻ tín dụng, ngày 10/7/2021, số tiền gốc 190.000.000 đồng, lãi 169.713.430 đồng, phí 2.325.331 đồng, tổng cộng gốc lãi phí là 362.038.761 đồng.

Ngân hàng yêu cầu bà N thanh toán tổng nợ của hai khoản vay trên số tiền là 617.369.347 đồng. Ngoài ra, yêu cầu kể từ ngày 01/7/2023 bà N phải có nghĩa vụ trả lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong các hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

Bị đơn bà Võ Thị Mỹ N vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Từ khi thụ lý đến khi kết thúc tranh luận tại phiên tòa xét xử, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng với các quy định của pháp luật. Qua chứng cứ và kết quả tranh tụng tại Tòa có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự phát sinh từ hợp đồng dân sự giữa tổ chức tín dụng với cá nhân được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Võ Thị Mỹ N đăng ký thường trú tại ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Tại biên bản xác minh ngày 26/4/2023 cơ quan có thẩm quyền tại địa phương xác định bà Võ Thị Mỹ N có đăng ký thường trú tại ấp T, xã L, huyện T, nhưng không còn sống tại địa phương, hiện không rõ sinh sống, làm việc ở đâu. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật. Bà N là người có nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng đã thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ cho Ngân hàng biết về nơi cư trú mới, căn cứ theo quy định tại **điểm e Khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự** xác định bà N cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Bị đơn cố tình vắng mặt nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai của bị đơn, cũng như tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Bà N vắng mặt đồng nghĩa với việc đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của đương sự trong việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại **Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự**.

[2] Về nội dung vụ án: Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự trong Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2689667/02/2021/HĐHMTD, ngày 28/7/2021 và Giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 10/7/2021 (bao gồm Giấy đề nghị cấp tín dụng và bản Điều khoản và Điều kiện về việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng— các tài liệu này gọi chung là hợp đồng) đều không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại **Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015** nên phát sinh hiệu lực.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà N đã vi phạm hợp đồng. Hiện tại bà N còn nợ Ngân hàng số tiền cụ thể:

Đối với Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2689667/02/2021/HĐHMTD, ngày 28/7/2021, số tiền gốc 199.970.000 đồng, lãi trong hạn 22.028.600 đồng, lãi quá

hạn 33.331.986 đồng, tổng gốc và lãi 255.330.586 đồng.

Đối với hợp đồng thẻ tín dụng, ngày 10/7/2021, số tiền gốc 190.000.000 đồng, lãi 169.713.430 đồng, phí 2.325.331 đồng, tổng cộng gốc lãi phí là 362.038.761 đồng.

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán nợ gốc, lãi và phạt là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các **Điều 466, Điều 468, Khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015**, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà N trả cho nguyên đơn Ngân hàng số tiền còn nợ của các khoản nợ trên tổng cộng 617.369.347 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày 01/7/2023 bà N còn phải tiếp tục chịu lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[3] Qua phân tích nêu trên, xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh T đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Dương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm e khoản 1 Điều 192, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần H. Buộc bị đơn bà Võ Thị Mỹ N có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần H tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 30/6/2023 là 617.369.347 đồng, trong đó nợ cụ thể:

Đối với Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2689667/02/2021/HĐHMTD, ngày 28/7/2021, số tiền gốc 199.970.000 đồng, lãi trong hạn 22.028.600 đồng, lãi quá hạn 33.331.986 đồng, tổng gốc và lãi 255.330.586 đồng.

Đối với Giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 10/7/2021 (bao gồm Giấy đề nghị cấp tín dụng và bản Điều khoản và Điều kiện về việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng— các tài liệu này gọi chung là hợp đồng), số

tiền gốc 190.000.000 đồng, lãi 169.713.430 đồng, phí 2.325.331 đồng, tổng cộng gốc lãi phí là 362.038.761 đồng.

Buộc bị đơn bà Võ Thị Mỹ N còn phải chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/7/2023 theo mức lãi suất đã thỏa thuận đợ ghi trong các hợp đồng nêu trên cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn bà Võ Thị Mỹ N có nghĩa vụ nộp án phí số tiền 28.694.773 đồng. Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần H tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.987.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002896 ngày 05/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

Đương sự có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. (Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh T;
- Chi cục THADS huyện Thạnh T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thành Nghiệp